

DANH SÁCH
KẾT QUẢ THEO DÕI, ĐÁNH GIÁ, XẾP LOẠI CÔNG CHỨC QUÝ II NĂM 2026
(Kèm theo Thông báo số _____/TB-STP ngày 03/7/2026 của Sở Tư pháp)

STT	Họ và tên	Chức vụ, đơn vị công tác	Tổng số nhiệm vụ được giao		Kết quả thực hiện		Số lượng sản phẩm đạt được khi thực hiện nhiệm vụ		Chất lượng sản phẩm		Tiến độ thực hiện nhiệm vụ		Điểm tiêu chí chung	Điểm tiêu chí thực hiện nhiệm vụ				Tổng số điểm	Cá nhân đề xuất xếp loại	Kết quả xếp loại
			Nhiệm vụ theo Kế hoạch	Nhiệm vụ phát sinh/đột xuất	Nhiệm vụ hoàn thành	Nhiệm vụ chưa hoàn thành	Nhiệm vụ theo Kế hoạch	Nhiệm vụ phát sinh và nhiệm vụ đột xuất	Đạt	Có sai sót	Đúng hạn	Trễ hạn		Số lượng	Chất lượng	Tiến độ	Tiêu chí điểm lãnh đạo, quản lý			
I	Văn phòng Sở																			
1	Giang Tuấn Anh	Chánh Văn phòng	38	62	100	0	104	154	258	1	249	9	30	15	14.99	9.91	30	99.9	HTTNV	HTTNV
2	Huỳnh Thị Kim Hương	Phó Chánh Văn phòng	14	28	42	0	35	120	154	1	152	3	27.5	15	14.98	9.95	30	97.4	HTTNV	HTTNV
3	Đặng Thị Kiều Nhanh	Phó Chánh Văn phòng	10	27	37	0	10	27	37	0	35	2	27.5	15	15.00	9.86	30	97.4	HTTNV	HTTNV
4	Bùi Thị Tú Anh	Văn thư	2	2	4	0	2	33	35	0	35	1	27.5	30	25	14.9		97.4	HTTNV	HTTNV
5	Thị Anh Tuấn	Chuyên viên	2	1	3	0	5	4	9	0	9	0	27.5	30	25	15		97.5	HTTNV	HTTNV
6	Đinh Thị Thanh Trang	Kế toán	5	6	11	0	5	6	11	0.0	11	1	30	30	25	14.7		99.7	HTTNV	HTTNV
7	Nguyễn Thị Linh	Chuyên viên	4	25	29	0	3	119	122	0	118	4	27.5	30	25	14.9		97.4	HTTNV	HTXSNV
8	Phạm Văn Toàn	Chuyên viên chính	13	78	91	0	12	78	90	0	87	3	27.5	30	25	14.9		97.4	HTTNV	HTTNV
9	Lê Hữu Đức	Chuyên viên	5	4	9	0	32	4	36	0	36	0	30	30	25	15		100	HTTNV	HTTNV
10	Lê An Khương	Chuyên viên	3	2	5	0	22	3	25	0	25	0	27.5	30	25	15		97.5	HTTNV	HTTNV

STT	Họ và tên	Chức vụ, đơn vị công tác	Tổng số nhiệm vụ được giao		Kết quả thực hiện		Số lượng sản phẩm đạt được khi thực hiện nhiệm vụ		Chất lượng sản phẩm		Tiến độ thực hiện nhiệm vụ		Điểm tiêu chí chung	Điểm tiêu chí thực hiện nhiệm vụ				Tổng số điểm	Cá nhân đề xuất xếp loại	Kết quả xếp loại
			Nhiệm vụ theo Kế hoạch	Nhiệm vụ phát sinh/dột xuất	Nhiệm vụ hoàn thành	Nhiệm vụ chưa hoàn thành	Nhiệm vụ theo Kế hoạch	Nhiệm vụ phát sinh và nhiệm vụ đột xuất	Đạt	Có sai sót	Đúng hạn	Trễ hạn		Số lượng	Chất lượng	Tiến độ	Tiêu chí điểm lãnh đạo, quản lý			
11	Phan Thị Huỳnh Như	Chuyên viên	1	21	22	0	6	32	37	1	36	2	27.5	30	24.8	14.8		97.1	HTTNV	HTTNV
12	Nguyễn Đào Phương Hồng	Chuyên viên	33	19	52	0	33	19	52	0	52	0	30	30	25	15		100	HTTNV	HTXSNV
II	Phòng Hành chính và Hỗ trợ tư pháp																			
13	Đặng Thị Phương Linh	Trưởng phòng	16	9	25	0	219	20	239	0	239	0	27.5	15	15	10	30	97.5	HTTNV	HTTNV
14	Nguyễn Thị Thúy Vi	Phó Trưởng phòng	11	5	16	0	12	49	61	0	61	0	26.5	15	15.00	10.00	30	96.5	HTTNV	HTTNV
15	Nguyễn Thành Khảm	Phó Trưởng phòng	9	3	12	0	19	3	22	0	22	0	30	15	15	10	30	100.0	HTXSNV	HTXSNV
16	Đặng Thị Tố Trinh	Phó Trưởng phòng	12	14	26	0	30	14	44	0	44	0	28	15	15	10	30	98.0	HTTNV	HTTNV
17	Nguyễn Thị Mỹ Thoa	Chuyên viên	7	10	17	0	24	94	118	0	118	0	27.5	30	25	15		97.5	HTXSNV	HTXSNV
18	Nguyễn Thị Bích Huệ	Chuyên viên	1	0	1	0	48	0	48	0	48	0	24.5	30	25	15		94.5	HTTNV	HTTNV
19	Nguyễn Quốc Hưng	Chuyên viên	8	18	26	0	3	18	21	0	21	0	29	30	25	15		99	HTXSNV	HTXSNV
20	Nguyễn Văn Quốc	Chuyên viên	1	0	1	0	69		69		69	0	30	30	25	15		100	HTTNV	HTTNV

STT	Họ và tên	Chức vụ, đơn vị công tác	Tổng số nhiệm vụ được giao		Kết quả thực hiện		Số lượng sản phẩm đạt được khi thực hiện nhiệm vụ		Chất lượng sản phẩm		Tiến độ thực hiện nhiệm vụ		Điểm tiêu chí chung	Điểm tiêu chí thực hiện nhiệm vụ				Tổng số điểm	Cá nhân đề xuất xếp loại	Kết quả xếp loại
			Nhiệm vụ theo Kế hoạch	Nhiệm vụ phát sinh/đột xuất	Nhiệm vụ hoàn thành	Nhiệm vụ chưa hoàn thành	Nhiệm vụ theo Kế hoạch	Nhiệm vụ phát sinh và nhiệm vụ đột xuất	Đạt	Có sai sót	Đúng hạn	Trễ hạn		Số lượng	Chất lượng	Tiến độ	Tiêu chí điểm lãnh đạo, quản lý			
21	Trần Trung Kiên	Chuyên viên chính	13	0	13	0	162		162	0	162	0	22.5	30	25	15		92.5	HTTNV	HTTNV
22	Nguyễn Thị Kim Quyên	Chuyên viên	7	17	24	0	7	25	32	0	32	0	27.5	30	25	15		97.5	HTTNV	HTTNV
23	Lê Trung Mỹ Kim	Chuyên viên	16	9	25	0	53	31	84	0	84	0	26.5	30	25	15		96.5	HTTNV	HTTNV
III	Phòng Phổ biến, giáo dục pháp luật																			
24	Nguyễn Hòa Hiệp	Phó Trưởng phòng	14	1	15	0	19	8	27	0	27	0	27.5	15	15	10	30	97.5	HTXSNV	HTXSNV
25	Nguyễn Lê Hiền	Chuyên viên	11	0	11	0	12	0	12	0	12	0	27.5	30	25	15		97.5	HTTNV	HTTNV
26	Phạm Trường Bảo	Chuyên viên	8	5	13	0	11	34	45	0	45	0	30	30	25	15		100	HTTNV	HTTNV
27	Phạm Huỳnh Trúc Tuyền	Chuyên viên	15	8	23	0	16	34	50	0	50	0	30	30	25	15		100	HTXSNV	HTXSNV
28	Hình Nhật Tân	Chuyên viên	19	0	19	0	19	0	19	0	19	0	27.5	30	25	15		97.5	HTTNV	HTTNV
IV	Phòng Xây dựng và Tổ chức thi hành pháp luật																			
29	Nguyễn Văn Thơm	Trưởng phòng	5	5	10	0			1552	0	1449	103	30	15	15	9.8	30	99.8	HTTNV	HTTNV
30	Nguyễn Thị Hằng	Phó Trưởng phòng	1	1	2	0	236	12	248	0	236	12	30	15	15	9.9	30	99.9	HTTNV	HTTNV
31	Đỗ Minh Trung	Phó Trưởng phòng	3	7	7	0	615	54	669		668	47	30	15	15	9.8	30	99.8	HTTNV	HTTNV
32	Nguyễn Thị Thanh Nhà	Phó Trưởng phòng	2	2	4	0	49	385	431	0	431	0	30	15	15	10	30	100	HTXSNV	HTXSNV

STT	Họ và tên	Chức vụ, đơn vị công tác	Tổng số nhiệm vụ được giao		Kết quả thực hiện		Số lượng sản phẩm đạt được khi thực hiện nhiệm vụ		Chất lượng sản phẩm		Tiến độ thực hiện nhiệm vụ		Điểm tiêu chí chung	Điểm tiêu chí thực hiện nhiệm vụ				Tổng số điểm	Cá nhân đề xuất xếp loại	Kết quả xếp loại
			Nhiệm vụ theo Kế hoạch	Nhiệm vụ phát sinh/đột xuất	Nhiệm vụ hoàn thành	Nhiệm vụ chưa hoàn thành	Nhiệm vụ theo Kế hoạch	Nhiệm vụ phát sinh và nhiệm vụ đột xuất	Đạt	Có sai sót	Đúng hạn	Trễ hạn		Số lượng	Chất lượng	Tiến độ	Tiêu chí điểm lãnh đạo, quản lý			
33	Mai Hồng Nhiên	Phó Trưởng phòng	6	1	7	0	105	30	135	0	131	4	30	15	15	9.9	30	99.9	HTTNV	HTTNV
34	Trương Thị Như Hoa	Chuyên viên	1	1	2	0	162	54	216	0	198	18	30	30	25	14.7		99.7	HTTNV	HTTNV
35	Bùi Thị Phương Thảo	Chuyên viên	1	1	2	0	183	45	228		219	9	30	30	25	14.9		99.9	HTXSNV	HTXSNV
36	Đỗ Thanh Hằng	Chuyên viên	1	1	2	0	188	54	242	0	213	29	30	30	25	14.6		99.6	HTXSNV	HTXSNV
37	Huỳnh Thị Trâm	Chuyên viên	7	1	8	0	141	26	167	0	161	6	30	30	25	14.9		99.9	HTXSNV	HTXSNV
38	Trần Thị Phương Mai	Chuyên viên chính	7	2	9	0	37	18	54	0	52	2	30	30	25	14.9		99.9	HTTNV	HTTNV
39	Lưu Quang Khem	Chuyên viên chính	1	4	5	0	1	50	50	0	50	0	30	30	25	15		100	HTTNV	HTTNV
40	Danh Thị Cẩm Nhung	Chuyên viên	5	1	6	0	97	24	122	0	117	5	30	30	25	14.8		99.8	HTTNV	HTTNV
41	Võ Kim Loan	Chuyên viên	2	2	4	0	114	46	160	0	140	20	29.25	30	25	14.5		98.8	HTTNV	HTTNV
42	Đỗ Thị Tuyết Thanh	Chuyên viên	1	1	2	0	66	0	66	0	66	0	30	30	25	15		100	HTTNV	HTTNV
43	Nguyễn Văn An	Chuyên viên	4	4	8	0	5	80	85	0	78	7	27.5	30	25	14.69		97.19	HTTNV	HTTNV
V	Phòng Công chứng số 1 Kiên Giang																			
44	Nguyễn Thanh Lâm	Trưởng phòng Công chứng số 1 Kiên Giang	Thực hiện đánh giá theo quy định về đánh giá viên chức lãnh đạo quản lý															99	HTXSNV	HTTNV
45	Bùi Đức Thiện	Phó trưởng phòng Công chứng số 1 Kiên Giang	Thực hiện đánh giá theo quy định về đánh giá viên chức lãnh đạo quản lý															98	HTXSNV	HTTNV

STT	Họ và tên	Chức vụ, đơn vị công tác	Tổng số nhiệm vụ được giao		Kết quả thực hiện		Số lượng sản phẩm đạt được khi thực hiện nhiệm vụ		Chất lượng sản phẩm		Tiến độ thực hiện nhiệm vụ		Điểm tiêu chí chung	Điểm tiêu chí thực hiện nhiệm vụ				Tổng số điểm	Cá nhân đề xuất xếp loại	Kết quả xếp loại
			Nhiệm vụ theo Kế hoạch	Nhiệm vụ phát sinh/đột xuất	Nhiệm vụ hoàn thành	Nhiệm vụ chưa hoàn thành	Nhiệm vụ theo Kế hoạch	Nhiệm vụ phát sinh và nhiệm vụ đột xuất	Đạt	Có sai sót	Đúng hạn	Trễ hạn		Số lượng	Chất lượng	Tiến độ	Tiêu chí điểm lãnh đạo, quản lý			
VI	Phòng Công chứng số 1 An Giang																			
46	Lý Đăng Nghĩa	Trưởng phòng Công chứng số 1 An Giang	Thực hiện đánh giá theo quy định về đánh giá viên chức lãnh đạo quản lý															90	HTTNV	HTTNV
47	Nguyễn Thị Huệ	Phó trưởng phòng Công chứng số 1 An Giang	Thực hiện đánh giá theo quy định về đánh giá viên chức lãnh đạo quản lý															96	HTXSNV	HTTNV
VII	Phòng Công chứng số 2 An Giang																			
48	Quách Bảo Châu	Trưởng phòng Công chứng số 2 An Giang	Thực hiện đánh giá theo quy định về đánh giá viên chức lãnh đạo quản lý															94	HTXSNV	HTXSNV
VIII	Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản tỉnh An Giang																			
49	Đặng Nguyễn Hồng Châu	Phó Giám đốc phụ trách Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản	Thực hiện đánh giá theo quy định về đánh giá viên chức lãnh đạo quản lý															100	HTXSNV	HTXSNV
50	Lưu Đức Thọ	Phó Giám đốc Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản	Thực hiện đánh giá theo quy định về đánh giá viên chức lãnh đạo quản lý															100	HTTNV	HTTNV
IX	Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh An Giang																			
51	Bùi Đức Độ	Giám đốc Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh An Giang	Thực hiện đánh giá theo quy định về đánh giá viên chức lãnh đạo quản lý															91	HTXSNV	HTTNV

STT	Họ và tên	Chức vụ, đơn vị công tác	Tổng số nhiệm vụ được giao		Kết quả thực hiện		Số lượng sản phẩm đạt được khi thực hiện nhiệm vụ		Chất lượng sản phẩm		Tiến độ thực hiện nhiệm vụ		Điểm tiêu chí chung	Điểm tiêu chí thực hiện nhiệm vụ				Tổng số điểm	Cá nhân đề xuất xếp loại	Kết quả xếp loại
			Nhiệm vụ theo Kế hoạch	Nhiệm vụ phát sinh/đột xuất	Nhiệm vụ hoàn thành	Nhiệm vụ chưa hoàn thành	Nhiệm vụ theo Kế hoạch	Nhiệm vụ phát sinh và nhiệm vụ đột xuất	Đạt	Có sai sót	Đúng hạn	Trễ hạn		Số lượng	Chất lượng	Tiến độ	Tiêu chí điểm lãnh đạo, quản lý			
52	Trần Duy Khoa	Phó Giám đốc Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh An Giang	Thực hiện đánh giá theo quy định về đánh giá viên chức lãnh đạo quản lý															90	HTXSNV	HTXSNV
53	Huỳnh Ngọc Thông	Phó Giám đốc Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh An Giang	Thực hiện đánh giá theo quy định về đánh giá viên chức lãnh đạo quản lý															93	HTXSNV	HTTNV
54	Lâm Nghĩa Nhân	Phó Giám đốc Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh An Giang	Thực hiện đánh giá theo quy định về đánh giá viên chức lãnh đạo quản lý															89	HTTNV	HTTNV
55	Đỗ Khoa Khôi	Phó Giám đốc Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh An Giang	Thực hiện đánh giá theo quy định về đánh giá viên chức lãnh đạo quản lý															88	HTTNV	HTTNV